

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST
Ngày 01-4-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Ninh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chương

Bà Bùi Thúy Mở

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 802/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị N, sinh năm 1984; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn S, xã H, huyện T, thành phố H; Nơi ở hiện nay: Thôn B, xã A, huyện D, thành phố H; Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện T, thành phố H; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Đoàn Thị N trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị N và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau vào năm 2003 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 22/9/2003 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố H. Sau khi kết hôn, chị chuyển khẩu về gia đình anh Đ sinh sống tại thôn S, xã H. Quá trình chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ thường hay uống rượu, cờ bạc và đánh chửi vợ con. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị đã ra ngoài thuê nhà ở riêng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đ.

2. Về con chung: Chị N trình bày chị và anh Đ có 03 con chung tên là Nguyễn Thị N sinh ngày 18/11/2003, Nguyễn Thị H sinh ngày 22/01/2011 và Nguyễn Văn H sinh ngày 29/11/2013, chị trực tiếp nuôi 03 con từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay. Khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi 03 con, về cấp dưỡng nuôi con chung chị tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị N trình bày chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn Đ là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cho đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai vẫn không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn chưa chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đoàn Thị N và anh Nguyễn Văn Đ; Về con chung: Giao cho chị Đoàn Thị N trực tiếp nuôi 03 con chung tên là Nguyễn Thị N sinh ngày 18/11/2003, Nguyễn Thị H sinh ngày 22/01/2011 và Nguyễn Văn H sinh ngày 29/11/2013 cho đến khi từng con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài

sản chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị Đoàn Thị N vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đoàn Thị N và anh Nguyễn Văn Đ đã xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 39 đăng ký ngày 22/9/2003 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố H). Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu điều tra xác minh tại địa phương thể hiện trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016, do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay và không còn quan tâm nhau. Anh Nguyễn Văn Đ hiện vẫn cư trú tại thôn S, xã H; anh Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác, anh Đ biết việc chị Đoàn Thị N yêu cầu giải quyết ly hôn tại Tòa án song anh Đ không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đoàn Thị N.

[3]. Về con chung: Chị N và anh Đ có 03 con chung tên là Nguyễn Thị N sinh ngày 18/11/2003, Nguyễn Thị H sinh ngày 22/01/2011 và Nguyễn Văn H sinh ngày 29/11/2013. Việc giao con chung cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con và xem xét nguyện vọng của con chưa thành niên. Xét thấy, lời khai của đương sự và tài liệu điều tra xác minh thể hiện chị N trực tiếp nuôi 03 con từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, việc nuôi con đã ổn định và được đảm bảo

tốt về mọi mặt, chị N có công việc thu nhập hàng tháng và chỗ ở ổn định; khi ly hôn, chị N đề nghị được tiếp tục nuôi 03 con, mặt khác cả 03 con đều có văn bản thể hiện nguyện vọng muốn được ở với chị N, anh Đ không có ý kiến. Do vậy, cần giao 03 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N trình bày chị tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Đ không trình bày quan điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Đ không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[6]. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[7]. Về quyền kháng cáo: Chị N và anh Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đoàn Thị N và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Đoàn Thị N trực tiếp nuôi 03 con chung tên là Nguyễn Thị N sinh ngày 18/11/2003, Nguyễn Thị H sinh ngày 22/01/2011 và Nguyễn Văn H sinh ngày 29/11/2013 cho đến khi từng con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đoàn Thị N tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Văn Đ không trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Đoàn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Văn Đ không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

5. Về án phí: Chị Đoàn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002469 ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H. Chị Đoàn Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn là chị Đoàn Thị N và bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- VKSND huyện T, thành phố H;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã H, huyện T, thành phố H
(Giấy CNKH số 39 đk ngày 22/9/2003);
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nam Ninh